

Số: **1962**/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày **21** tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-BTP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tiếp tục ủy quyền giải quyết công việc trong các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BTP ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao phụ trách Cục Bổ trợ tư pháp;

Xét đề nghị của Cục Bổ trợ tư pháp tại Báo cáo số 293/BC-BTTP ngày 07 tháng 9 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **10** cá nhân được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kèm theo Danh sách những cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**NHỮNG CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**  
(kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-BTP ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
1.	Hà Nội	Đặng Bảo Vĩnh	18680	x		04 6 1960	Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Đã là thẩm phán
2.	Hà Nội	Nhữ Bá Tuyến	18681	x		19 4 1959	Phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Đã là kiểm sát viên
3.	Hà Nội	Nguyễn Văn Hồng	18682	x		28 01 1960	Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Đã là kiểm sát viên
4.	Gia Lai	Đào Văn Thắng	18683	x		14 7 1960	Phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Đã là thẩm phán
5.	Tuyên Quang	Hoàng Minh Thụy	18684	x		18 5 1964	Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đã là điều tra viên trung cấp
6.	Lạng Sơn	Trương Đức Hải	18685	x		27 8 1962	Phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đã là thẩm phán
1.	Lào Cai	Hà Xuân Tiến	18686	x		23 3 1960	Phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Đã là thẩm phán
2.	Bạc Liêu	Châu Việt Thanh	18687	x		18 11 1959	Xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đã là thẩm phán
3.	Phú Thọ	Nguyễn Văn Kỳ	18688	x		15 6 1961	Phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đã là điều tra viên cao cấp
4.	Đồng Tháp	Lê Ngọc Tuấn	18689	x		03 6 1960	Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đã là thẩm phán